

Vĩnh Sơn 5	Mức nước (H, m)					153.60	154.00	154.45	154.75	154.80
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)					5.89	5.62	5.26	4.84	4.37
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)					2.89	1.62	1.26	2.84	4.37
Trà Xom 1	Mức nước (H, m)	652.76	952.74	952.74	652.74	652.65	652.70	652.70	652.70	652.70
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)	0.00	0.50	0.80	0.80	0.79	0.70	0.58	0.52	0.37
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Định Bình	Mức nước (H, m)				68.96	68.96	68.95	68.94	68.93	68.94
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)					13.16	11.59	10.79	12.70	13.83
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)					13.00	13.00	13.00	13.00	13.00
Núi Một	Mức nước (H, m)				37.13	37.10	37.10	37.10	37.10	37.10
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				0.40	0.43	0.39	0.33	0.26	0.18
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Thuận Ninh	Mức nước (H, m)				60.49	60.45	60.50	60.50	60.50	60.50
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				0.72	0.75	0.71	0.66	0.60	0.53
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Văn Phong	Mức nước (H, m)				24.86	24.85	24.90	24.90	24.90	24.90
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				27.73	26.82	26.41	25.85	29.54	30.40
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				22.55	22.55	22.55	22.55	22.55	22.55

II - Hiện trạng công trình

1) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn A tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 767.04 m
- Lưu lượng đến hồ: 0.65 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

2) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn B tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 816.23 m
- Lưu lượng đến hồ: 0.46 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

3) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn C tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 972.16 m
- Lưu lượng đến hồ: 1.63 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

4) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn 4 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: m
- Lưu lượng đến hồ: m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

5) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn 5 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: m
- Lưu lượng đến hồ: m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

6) Hồ chứa thủy điện Trà Xom 1 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 652.74 m
- Lưu lượng đến hồ: 0.80 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

7) Hồ chứa thủy điện Định Bình tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 68.96 m
- Lưu lượng đến hồ: m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

8) Hồ chứa thủy điện Núi Một tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước:	37.13	m
- Lưu lượng đến hồ:	0.40	m ³ /s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa

9) Hồ chứa thủy điện Thuận Ninh tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước:	60.49	m
- Lưu lượng đến hồ:	0.72	m ³ /s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa

10) Hồ chứa thủy điện Văn Phong tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước:	24.86	m
- Lưu lượng đến hồ:		m ³ /s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa